**TÒA ÁN NHÂN DÂN**
**HUYỆN ĐẮK MIL**
**TỈNH ĐẮK NÔNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc**

Bản án số: **26**/2019/HNGĐ-ST
Ngày 11/7/2019
*Về việc: "Xin ly hôn"*

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK MIL**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Thế Hạnh

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Đỗ Xuân Tốn, bà Hoàng Thị Thanh.

***- Thư ký phiên tòa:*** Ông Trần Kim Tuấn – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông tham gia phiên toà:*** Bà Lê Thu Thủy – Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 35/2019/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 02 năm 2019 về việc Xin ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2019/QĐXX-ST ngày 04 tháng 6 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Hồ Thị Mỹ D, sinh năm 1962; Địa chỉ: số 96, thôn Đ, xã Đ, huyện M, tỉnh Đắk Nông. (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

- *Bị đơn*: ông Nghiêm Văn T, sinh năm 1965; Địa chỉ: số 96, thôn Đ, xã Đ, huyện M, tỉnh Đắk Nông. (Vắng mặt)

**NỘI D VỤ ÁN:**

- *Theo nội D đơn khởi kiện ngày 11/02/2019, lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn* bà Hồ Thị Mỹ D *trình bày:* Vào năm 1995 bà D, ông T đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Hôn nhân tự nguyện, không ai ép buộc. Sau khi kết hôn thì ông, bà chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng về quan điểm, cách sống, hay cãi nhau vì những việc nhỏ nhặt trong gia đình, ông T thường xuyên uống rượu về thì đánh đập, chưởi bới bà. Do đó, ông, bà không còn quan tâm đến nhau. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên bà đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Nghiêm Văn T.

Về con chung: ông, bà có 02 con chung là cháu Nghiêm Thị Bích N, sinh ngày 01/5/1998 và cháu Nghiêm Văn Ngọc T, sinh ngày 12/6/2007. Khi ly hôn bà

xin được nuôi dưỡng cháu Nghiêm Văn Ngọc T, sinh ngày 12/6/2007 cho đến khi cháu đủ 18 tuổi trưởng thành và không yêu cầu ông T cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ: bà D không yêu cầu Tòa án giải quyết; công nợ chung không có.

Bà Hồ Thị Mỹ D có đơn xin xét xử vắng mặt.

Đối với bị đơn ông Nghiêm Văn T: trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil đã tiến hành tống đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án; các giấy triệu tập và thông báo về phiên hòa giải đối với ông Nghiêm Văn T nhưng ông T vẫn không tham gia các buổi làm việc tại Tòa án. Hiện tại ông Nghiêm Văn T có mặt tại địa phương nhưng ông T cố tình vắng mặt không vì lý do bất khả kháng hoặc do trở ngại khách quan (vắng mặt không có lý do chính đáng) trong tất cả các lần triệu tập của Tòa án. Do đó, Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil tiến hành mở phiên tòa xét xử vụ án vắng mặt bị đơn là ông Nghiêm Văn T.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Mil tham gia phiên toà xác định việc tuân thủ theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của những người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng ở giai đoạn sơ thẩm đối với nguyên đơn đều tuân thủ trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật; Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt, đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 144; Điều 147; Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Áp dụng các Điều 9; Điều 51; Điều 56; Điều 58; Điều 81; Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Về nội D vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Hồ Thị Mỹ D. Bà Hồ Thị Mỹ D được ly hôn với ông Nghiêm Văn T; về con chung: Giao cháu Nghiêm Văn Ngọc T, sinh ngày 12/6/2007 cho bà Hồ Thị Mỹ D trực tiếp, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cho đến khi cháu Thạch đủ 18 tuổi trưởng thành. Các đương sự không yêu cầu cấp dưỡng nên không xem xét giải quyết, về tài sản chung và nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về án phí: bà Hồ Thị Mỹ D phải nộp 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Bà Hồ Thị Mỹ D yêu cầu xin ly hôn với ông Nghiêm Văn T, đây là tranh chấp về hôn nhân gia đình (ly hôn) thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn ông Nghiêm Văn T có đăng ký hộ khẩu tại thôn Đ, xã Đ, huyện M, tỉnh Đắk Nông. Nên Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil thụ lý giải quyết là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ngày 13/5/2019 bà Hồ Thị Mỹ D có đơn xin xét xử vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt bà D là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn ông Nghiêm Văn T hai lần được Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil triệu tập tham gia phiên tòa nhưng ông T cố tình vắng mặt không có lý do chính đáng gây khó khăn cho việc giải quyết vụ án. Điều đó thể hiện ý thức không tôn trọng pháp luật, không tôn trọng Hội đồng xét xử. Mặt khác sự cố tình vắng mặt của ông T đã không cung cấp được cho Tòa án chứng cứ chứng minh để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho mình và phản bác lại đối với yêu cầu của nguyên đơn. Vì vậy, theo quy định tại khoản 4 Điều 91 và khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, ông T phải chịu hậu quả của việc không đưa ra được chứng cứ chứng minh để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho mình và Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil tiến hành mở phiên tòa để xét xử vụ án vắng mặt bị đơn ông Nghiêm Văn T.

[3] Về hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa bà Hồ Thị Mỹ D và ông Nghiêm Văn T là hợp pháp. Trong quá trình chung sống hai bên xảy ra nhiều mâu thuẫn dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn, không còn khả năng đoàn tụ. Giữa ông, bà không còn quan tâm, yêu thương, chăm sóc nhau. Trong quá trình giải quyết vụ án, bà D cũng thừa nhận, bà không còn tình cảm với ông T, không muốn tiếp tục chung sống với ông T và muốn được ly hôn để ổn định cuộc sống, hôn nhân vợ chồng không đạt được mục đích. HĐXX xét thấy**,** mâu thuẫn phát sinh từ lâu nhưng cả hai không tìm ra được giải pháp khắc phục. ông, bà đã không còn tin tưởng, quan tâm chăm sóc lẫn nhau, cuộc sống chung không còn hạnh phúc, không có khả năng hàn gắn đoàn tụ, hôn nhân của ông, bà thật sự không đạt được mục đích. Do vậy, Hội đồng xét xử nghĩ cần căn cứ vào Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận đơn xin ly hôn của bà D và giải quyết bà D được ly hôn với ông T.

[4] Về con chung: Bà D có nguyện vọng được nuôi con điều này thể hiện trách nhiệm của người làm mẹ đối với con. Tuy nhiên, việc giao con cho ai nuôi cần phải xem xét mọi mặt về quyền lợi của các con chưa thành niên.

Theo quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 *"Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì thì Tòa án quyết định giao con cho một bên căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con"*.

Hiện nay cháu Nghiêm Văn Ngọc T, sinh ngày 12/6/2007 đang còn nhỏ nên cần sự chăm sóc của mẹ. Trong quá trình giải quyết vụ án cháu Thạch cũng có nguyện vọng được ở với mẹ, bà D có công việc, thu nhập ổn định nên đủ điều kiện chăm sóc con chung. Từ những nhận định trên, HĐXX nghĩ, cần giao cháu Nghiêm Văn Ngọc T, sinh ngày 12/6/2007 cho bà D trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc là có căn cứ.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Bà D không yêu cầu ông T phải cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không đặt ra để giải quyết.

[6] Về tài sản chung và nợ: Bà D không yêu cầu Toà án giải quyết nên không đặt ra để giải quyết. Trong thời gian chung sống, ông, bà không vay mượn của ai hay cho ai vay mượn tài sản gì nên không đặt ra để giải quyết.

[7] Về án phí: bà Hồ Thị Mỹ D phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Mil tại phiên toà là có căn cứ và phù hợp với các quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 điều 28, khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 227; khoản 1 Điều 228; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Áp dụng điều 51, 56, 81, 82, 84 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**Tuyên xử:** Chấp nhận đơn khởi kiện về việc xin ly hôn của bà Hồ Thị Mỹ D.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Hồ Thị Mỹ D được ly hôn với ông Nghiêm Văn T.

2. Về nuôi con chung: Giao cháu Nghiêm Văn Ngọc T, sinh ngày 12/6/2007 cho bà Hồ Thị Mỹ D trực tiếp, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cho đến khi cháu Thạch đủ 18 tuổi trưởng thành. Ông Nghiêm Văn T được quyền thăm nom, chăm sóc con chung sau ly hôn, bà D không được cản trở hoặc gây trở ngại đến việc thăm nom, giáo dục con chung.

Việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn; Nghĩa vụ, quyền của cha, mẹ không trực tiếp nuôi con sau ly hôn; Nghĩa vụ, quyền của cha mẹ trực tiếp nuôi con đối với người không trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định tại các Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Hồ Thị Mỹ D không yêu cầu ông Nghiêm Văn T phải cấp dưỡng nuôi con chung nên không xem xét, giải quyết.

4. Về chia tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Về án phí: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; áp dụng Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: bà Hồ Thị Mỹ D phải nộp 300.000đ *(ba trăm nghìn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm. Được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà Hồ Thị Mỹ D đã nộp là 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* theo biên lai số 0003388 ngày 25/02/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện M, tỉnh Đắk Nông.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, Bị đơn vắng mặt tại phiên toà được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày tròn kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án theo quy định của pháp luật.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

***Nơi nhận:***
- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Đắk Mil;
- Chi cục THADS huyện M;
- UBND xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(đã ký)**

**Nguyễn Thế Hạnh**